

Bản án số: **16/2020/DS-ST**

Ngày: 18/5/2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trương Thị Tiên.**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Hồ Thị Lan Hương.**

2. Ông **Nguyễn Hoàng Phúc.**

*- Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Trần Phương Thảo** – Thư ký Tòa án.

Vào ngày 18 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* bà **Trần Thị Kim L**, sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp L, xã G, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền: bà Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp A, xã A1, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

\* *Bị đơn:* bà **Phạm Thị Kim T**, sinh năm 1977

Ông **Lê Phước C**, sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: ấp L, xã G, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Bà T ủy quyền cho ông C tham gia tố tụng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 09/01/2020 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm T trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết nên bà L có cho bà T và ông C mượn nhiều lần tiền trong năm 2018. Ngày 20/3/2019 bà T có làm giấy nợ cho bà L số tiền là 194.500.000đ. Ngày 30/3/2019 bà T mượn tiếp bà L số tiền là 15.000.000đ. Tổng số nợ là 209.500.000đ.

Ngày 01/10/2019 bà L kiện bà T và ông C ra UBND xã G, tại biên bản giải quyết của xã G bà T và ông C thừa nhận số nợ 209.500.000đ và hứa cùng liên đới trả nhưng không thực hiện nên bà L khởi kiện ra tòa.

Bà L yêu cầu bà T và ông C trả số tiền 209.500.000đ và lãi suất 0.83% tính từ tháng 10/2019 cho đến tháng 5/2020 là 7 tháng.

*\* Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Lê Phước C đồng thời được sự ủy quyền trình bày:*

Bà T và ông C thừa nhận có ký tên vào giấy nợ ngày 20/3/2019 do con nuôi của ông bà viết theo ý của bà L. Ông C thừa nhận ông bà có vay của bà L số tiền 194.500.000đ, vay trong nhiều lần từ ngày 04/3/2018 âm lịch với lãi suất là 30%/tháng. Bà L đã dùng tiền lãi của số tiền vay này mỗi tháng gần 60.000.000đ để mua tổng cộng là 11 dây hụi, bà lấy lãi tiền vay và lấy lãi tiền mua hụi khui hàng tháng, bà L lấy tiền lãi 2 đầu như thế cho đến ngày bẻ hụi. Khi làm giấy nợ bà L có hứa cho ông bà trả dần mỗi tháng, nên nay bà L kiện ông bà không đồng ý trả. Riêng giấy nợ ngày 30/3/2019 số tiền 15.000.000đ là không có vay mà là tiền lãi của nửa tháng chưa thanh toán. Tại biên hòa giải của UBND xã G ngày 01/10/2019 ông bà thừa nhận có ký tên nhưng do không được khỏe nên không nhớ nội dung biên bản.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Quan hệ tranh chấp giữa bà Trần Thị Kim L đối với bà Phạm Thị Kim T và ông Lê Phước C là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

[3] Bị đơn bà T và ông C đang cư trú tại xã G, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Bà L kiện yêu cầu bà T và ông C liên đới trả số tiền vốn là 209.500.000đ và yêu cầu tính lãi suất 0.83% tính từ tháng 10/2019 đến tháng 5/2020. Tại Tòa ông C thừa nhận ông bà có vay của bà L số tiền 194.500.000đ vay trong nhiều lần và có làm giấy nợ cho bà L ngày 20/3/2019. Ông C cho rằng bà L cho vay tiền lãi 30%/ tháng và bà L đã dùng số tiền lãi của số tiền vay này mỗi tháng gần 60.000.000đ để mua 11 dây hụi, bà L lấy lãi tiền vay và tiền lãi của hụi khui hàng tháng, bà L lấy tiền lãi 2 đầu như thế cho đến ngày bẻ hụi. Riêng số tiền 15.000.000 giấy vay ngày 30/3/2019 ông bà không thừa nhận tiền vay.

[5] HĐXX xét thấy: Tại Tòa hai bên đương sự không thống nhất nhau về số tiền nợ. Tuy nhiên biên bản hòa giải ngày 01/10/2019 tại UBND xã G bà T và ông C đã thừa nhận có mượn của bà L số tiền 209.500.000đ và đồng ý cùng trả số tiền trên cho bà L, đây là chứng cứ buộc bà T và ông C cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền 209.500.000đ.

Tại biên bản này bà T còn nêu rằng số tiền bà L cho bà mượn là không có lãi, do đó lời trình bày của bà T và ông C cho rằng bà L lấy tiền lãi của số tiền vay để mua hụi là không có căn cứ.

Về Lãi suất: Số tiền 209.500.000đ bà L cho bà T và ông C mượn không có lãi, tuy nhiên đến ngày bà L yêu cầu bà T và ông C trả tiền được UBND xã G hòa giải ngày 01/10/2019, sau đó bà T và ông C vẫn không trả tiền cho bà L là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu tính lãi suất 0.83%/ tháng tính từ tháng 10/2019 của nguyên đơn là phù hợp. Tiền lãi được tính như sau:

Số tiền 209.500.000đ x 0.83% x 7 tháng = 12.170.000đ

209.500.000đ + 12.170.000 = 221.670.000đ.

Buộc bà T và ông C cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền 221.670.000đ là phù hợp.

[6]Về án phí: Do bà L được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bà T và ông C phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật 11.083.000đ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26, 35, 147, 227, 228 Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của với bà Trần Thị Kim L đối với bà Phạm Thị Kim T và ông Lê Phước C.

2. Buộc bà Phạm Thị Kim T và ông Lê Phước C có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị Kim L số tiền là 221.670.000đ ( hai trăm hai mươi một triệu sáu trăm bảy mươi ngàn đồng). Trong đó tiền vốn vay là 209.500.000đ và tiền lãi là 12.170.000đ.

3. Án phí DSST có giá ngạch: Bà T và ông C liên đới nộp là 11.083.000đ ( mười một triệu không trăm tám mươi ba ngàn đồng).

Hoàn tạm ứng án phí cho bà L số tiền 6.387.000đ ( sáu triệu ba trăm tám mươi bảy ngàn đồng) theo biên lai thu số 0009702 ngày 17/01/2020 tại Chi Cục Thi hành án huyện Châu Thành.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bản án này được thi hành theo qui định tại điều 02 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được qui định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GD&ĐT TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Trương Thị Tiến**